

Số: 25 /2010/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 10 tháng 5 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKH-CN ngày 11/5/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 48/TTr-SKH-CN ngày 05/4/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5714/QĐ.CT.UBT ngày 24/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt “Quy định về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Tỉnh” và Quyết định số 5716/QĐ.CT.UBT ngày 24/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt “Quy định về phương thức làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế Bộ Khoa học & Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- TT Công báo;
- Lưu: VT, TH, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**\*Trần Văn Vĩnh**

## QUY ĐỊNH

**Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này áp dụng đối với việc tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là tuyển chọn, xét chọn).

2. Các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN) thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc các chương trình khoa học công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là chương trình) và các Đề tài KHCN độc lập cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Đề tài);

b) Dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các chương trình và các Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Dự án SXTN).

3. Việc tuyển chọn, xét chọn đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a và b Khoản 2 Điều này được quy định tại các văn bản khác.

##### **Điều 2. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN**

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đặt hàng của tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này.

2. Tuyển chọn được áp dụng cho nhiệm vụ KHCN có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

##### **Điều 3. Xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN**

Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đặt hàng của tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá Hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị, trên cơ sở những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này đối với các loại nhiệm vụ KHCN sau:

1. Nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng.

2. Một số nhiệm vụ KHCN cấp bách.

3. Nhiệm vụ KHCN mà nội dung chỉ có một tổ chức KHCN hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ KHCN đó.

4. Dự án SXTN.

#### **Điều 4. Nguyên tắc tuyển chọn, xét chọn**

1. Việc tuyển chọn phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có thể đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN.

2. Việc xét chọn được thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì các nhiệm vụ KHCN.

3. Việc tuyển chọn, xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập và thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 6 và Điều 21 của Quy chế quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Việc đánh giá Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể cho Đề tài và Dự án SXTN quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy định này.

5. Mỗi nhiệm vụ KHCN đưa ra tuyển chọn, xét chọn khi đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này thì chỉ có duy nhất 01 hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

6. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện nhiệm vụ KHCN giữa các tổ chức, các cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn**

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KHCN có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KHCN.

2. Cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có chuyên môn đào tạo phù hợp, trình độ đại học trở lên và đang hoạt động trong cùng chuyên ngành khoa học với nhiệm vụ KHCN trong 3 năm gần đây, tính từ thời điểm nộp hồ sơ.

b) Là người đề xuất ý tưởng chính và chủ trì tổ chức xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ KHCN.

c) Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN.

3. Tổ chức, cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh nếu đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ mà vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 3 và Điều 31 của Quy chế quản lý các đề tài, dự án

nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Xác nhận điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn:

a) Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này khi mở Hồ sơ.

b) Các Phòng chức năng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ theo phạm vi quản lý các Đề tài, Dự án SXTN của mình thực hiện việc xác nhận điều kiện tại Khoản 3 Điều này trước khi mở Hồ sơ.

#### **Điều 6. Điều kiện trúng tuyển**

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề nghị trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án SXTN theo quy định tại Khoản 1.2 và Khoản 2.2 Điều 15.

2. Cá nhân đồng thời đăng ký chủ trì từ 02 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được đề nghị trúng tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì chỉ được lựa chọn chủ trì 01 nhiệm vụ.

### **Chương II**

## **THÔNG BÁO VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN**

#### **Điều 7. Thông báo tuyển chọn, xét chọn**

Hàng năm, việc thông báo tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện như sau:

1. Thông báo chi tiết về việc tuyển chọn được đăng đầy đủ trên trang tin điện tử của tỉnh Đồng Nai (<http://www.dongnai.gov.vn>), các trang tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai (<http://www.dost-dongnai.gov.vn/>), (<http://www.dost-dongnai.net/qlk>) và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

2. Thông báo về việc xét chọn Đề tài, Dự án SXTN được thực hiện bằng phương thức gửi văn bản đến các tổ chức được giao trực tiếp chuẩn bị Hồ sơ.

#### **Điều 8. Bộ hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn**

Bộ hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn gồm những văn bản, tài liệu dưới đây:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (Phụ lục I-Biểu B1-1-ĐONTC);

2. Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KH&CN) (Phụ lục I-Biểu B1-2-TMĐT), thuyết minh Dự án SXTN (Phụ lục I-Biểu B1-2-TMDA);

3. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (Phụ lục I-Biểu B1-3-LLTC);

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/dự án và các cá nhân tham gia chính (Phụ lục I-Biểu B1-4-LLCN);

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký tiếp nhận ứng dụng kết quả Đề tài, Dự án SXTN (Phụ lục I-Biểu B1-5-PHNC).

6. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (nếu có) (Phụ lục I-Biểu B1-6-PHNC).

7. Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với Dự án SXTN.

Mỗi văn bản trong bộ hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như đã quy định trên từng biểu mẫu.

### **Điều 9. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn**

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (sau đây gọi tắt là Hồ sơ) bao gồm: một (01) bộ Hồ sơ gốc và 12 bản sao bộ Hồ sơ gốc, được đóng gói trong túi Hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

1. Tên Đề tài hoặc Dự án SXTN đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn.
2. Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.
3. Họ tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN.
4. Danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ.

### **Điều 10. Nộp Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn**

1. Nơi nhận Hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.
2. Hình thức nộp Hồ sơ: Gửi qua Bưu điện hoặc nộp trực tiếp.
3. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo quy định của Sở Khoa học và Công nghệ.
4. Ngày chứng thực nhận Hồ sơ là ngày ghi ở dấu của Bưu điện Đồng Nai (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu đến của cơ quan tiếp nhận Hồ sơ (trường hợp nộp trực tiếp).
5. Trong thời hạn quy định nộp Hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút Hồ sơ đã nộp để thay bằng Hồ sơ mới hoặc bổ sung Hồ sơ đã nộp. Việc thay Hồ sơ mới và bổ sung Hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN**

#### **Điều 11. Mở Hồ sơ**

1. Các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình và các nhiệm vụ KH&CN độc lập: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai chịu trách nhiệm mở Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn. Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được chỉ định xét chọn được mời tham dự.

2. Hồ sơ hợp lệ là Hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 - Điều 5, Điều 8, Điều 9 và các khoản 3 và 5 Điều 10 của Quy định này.

Đối với Dự án SXTN; ngoài những yêu cầu nêu trên, Hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn chỉ được coi là hợp lệ khi có các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư dự kiến cần thiết để triển khai.

Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá.

3. Quá trình mở Hồ sơ được ghi thành Biên bản (Phụ lục II-Biểu B2-1-BBHSTC).

**Điều 12. Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài**

Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây (tối đa 100 điểm):

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>
<b><i>I. Đánh giá chung về mục tiêu của Đề tài</i></b> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 &amp; 15.2 của thuyết minh Đề tài)</i>	<b><u>10</u></b>
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu Đề tài so với yêu cầu đặt ra (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu Đề tài	5
<b><i>II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của Đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra</i></b> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15,16 và 17 của thuyết minh Đề tài)</i>	<b><u>20</u></b>
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu Đề tài	5
5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của Đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của Đề tài	5
<b><i>III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</i></b> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài)</i>	<b><u>15</u></b>
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5

<b>IV. Sản phẩm KH&amp;CN của Đề tài</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài)	<b><u>15</u></b>
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm Đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của đề tài; Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5
12. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện Đề tài	5
<b>V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)	<b><u>15</u></b>
13. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)	5
14. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng	5
15. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu	5
<b>VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện Đề tài</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 17, 19, 20, 21 của thuyết minh Đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của Tổ chức, cá nhân tham gia chính thực hiện Đề tài)	<b><u>25</u></b>
16. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề tài	5
17. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện Đề tài	5
18. Năng lực của cá nhân đăng ký chủ trì và các cá nhân tham gia chính	5
19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của Đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	5
20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh đề tài	5
<b>Tổng số</b>	<b>100</b>

**Điều 13. Tiêu chí đánh giá xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án SXTN**

Hồ sơ xét chọn được đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây (tối đa 100 điểm):

<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>Điểm tối đa</b>
<b>I. Giá trị công nghệ của Dự án</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2,17 của Thuyết minh dự án)	<b><u>20</u></b>
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	5
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5
4. Tính hợp lý của quy mô Dự án	5
<b>II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	<b><u>20</u></b>
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5
<b>III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	<b><u>20</u></b>
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	5
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	5
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5
<b>IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	<b><u>20</u></b>
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án;	5

14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	5
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng, ...)	5
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KH&CN	5
<b>V. Năng lực thực hiện Dự án</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án)	<b>20</b>
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	5
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, ...)	5
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	5
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>

**Điều 14. Thành phần Hội đồng và nguyên tắc làm việc của Hội đồng:**

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Hội đồng và cử 2 thành viên làm Thư ký Hội đồng.

Thành phần và nguyên tắc làm việc của Hội đồng thực hiện theo đúng quy định tại Điều 21 của Quy chế quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**Điều 15. Trình tự làm việc của Hội đồng**

**1. Hội đồng KH&CN xét chọn đề tài/dự án SXTN:**

**1.1 Trình tự làm việc của Hội đồng:**

- Thư ký công bố Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

- Đại diện Sở KH&CN nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc xét chọn Đề tài, Dự án SXTN.

- Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt nội dung thuyết minh đề tài/Dự án SXTN.

- Thành viên Hội đồng trình bày ý kiến phản biện, nhận xét đánh giá Hồ sơ đăng ký xét chọn Đề tài/Dự án SXTN theo các tiêu chí quy định tại các biểu mẫu tương ứng (Phụ lục III - Biểu B3-1-PNXĐT đối với Đề tài KH&CN; Biểu

B3-2-PNXDA đối với Dự án SXTN).

- Thư ký đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo.

- Đại biểu tham dự phát biểu thảo luận (nếu có).

- Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì giải trình các vấn đề.

- Hội đồng thảo luận, đánh giá về mặt mạnh, mặt yếu của Đề tài/Dự án SXTN. Các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại các biểu mẫu tương ứng của Phụ lục IV (Biểu B4-1-PDGĐT đối với Đề tài KH&CN; Biểu B4-2-PDGDA đối với Dự án SXTN).

- Thư ký tổng hợp phiếu điểm, báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu (Phụ lục V - Biểu B5-1-BBKPXC) và xây dựng Biên bản làm việc (Phụ lục VI. Biểu B6-1-BBHDXC) và thông qua ý kiến thống nhất của Hội đồng.

- Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

1.2 Tổng hợp kết quả đánh giá:

- Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp loại Đạt.

+ Đối với Đề tài: Đề tài được xếp loại Đạt khi Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

+ Đối với Dự án SXTN: Dự án được xếp loại Đạt khi Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 65/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

- Hội đồng thảo luận đề thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong Thuyết minh Đề tài hoặc Thuyết minh Dự án SXTN, các sản phẩm KH &CN chính với những chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật tương ứng phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển.

2. Hội đồng KH&CN tuyển chọn đề tài:

2.1 Trình tự làm việc của Hội đồng:

- Thư ký công bố Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

- Thư ký đọc Biên bản mở Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, thông báo số lượng và danh mục Hồ sơ đủ điều kiện được Hội đồng đưa vào xem xét đánh giá theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

- Hội đồng thảo luận trao đổi để quán triệt nguyên tắc, quy trình và các tiêu chí đánh giá, thang điểm và cách chấm điểm các Hồ sơ theo Quy định này.

- Các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét đánh giá đối với từng

hồ sơ (Phụ lục III - Biểu B3-1-PNXĐT).

- Thư ký đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo.

- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên (trong đó, ít nhất một thành viên Hội đồng làm Trưởng ban, 02 thành viên còn lại là 02 thư ký Hội đồng).

- Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng Hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại các biểu mẫu tương ứng (Phụ lục IV - Biểu B4-1-PDGĐT).

- Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu điểm, báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu (Phụ lục V - Biểu B5-2-BBKPTC).

- Thư ký xây dựng Biên bản làm việc (Phụ lục VI - Biểu B6-2-BBHDTTC) và thông qua ý kiến thống nhất của Hội đồng.

- Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì Đề tài.

## 2.2 Tổng hợp kết quả đánh giá:

- Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp loại Đạt và được xếp hạng với điểm cao nhất.

+ Đề tài được xếp loại Đạt khi Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm. Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá từ cao xuống thấp.

+Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

+ Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

- Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong Thuyết minh Đề tài hoặc Thuyết minh Dự án SXTN, các sản phẩm KH &CN chính với những chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật tương ứng phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển.

## 5. Lưu giữ Hồ sơ gốc

Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, xét chọn, thư ký của Hội đồng có trách nhiệm nộp bộ Hồ sơ gốc (kể cả Hồ sơ trúng tuyển và Hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Phòng Quản lý Khoa học, Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.

## Chương IV

### PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

## **Điều 16. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn**

1. Các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình và các nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ xử lý, tổng hợp kết quả tuyển chọn, xét chọn để trình Hội đồng KH&CN cấp tỉnh xem xét, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt danh mục nhiệm vụ của các chương trình, nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Trong trường hợp cần thiết, Ủy Ban Nhân dân tỉnh có thể kiểm tra hoặc đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức được đề nghị trúng tuyển trước khi phê duyệt.

3. Kết quả tuyển chọn, xét chọn sau khi phê duyệt được Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai thông báo đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển, cơ quan chủ quản của tổ chức trúng tuyển và công bố trên trang tin điện tử của tỉnh Đồng Nai (<http://www.dongnai.gov.vn>), các trang tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai (<http://www.dost-dongnai.gov.vn/>), (<http://www.dost-dongnai.net/qlk>) và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng tuyển từ chối thực hiện đề tài được tuyển chọn thì tổ chức, cá nhân có hồ sơ đạt tổng số điểm trung bình tiếp theo sẽ được thay thế, nhưng vẫn phải bảo đảm đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm.

5. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ trúng tuyển theo kết luận của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn trước khi thẩm định nội dung và kinh phí.

## **Chương V**

### **XỬ LÝ VI PHẠM TRONG TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN**

#### **Điều 17. Xử lý vi phạm trong tuyển chọn, xét chọn**

1. Cán bộ công chức, viên chức (kể cả cán bộ hợp đồng) vi phạm các quy định về tuyển chọn, xét chọn sẽ bị xử lý theo các quy định của Pháp lệnh công chức, viên chức và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, xét chọn kê khai thông tin không trung thực trong Hồ sơ làm sai lệch kết quả đánh giá thì kết quả tuyển chọn, xét chọn bị huỷ bỏ và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đánh giá thiếu khách quan, công bằng, trung thực, vi phạm nguyên tắc giữ bí mật của thông tin thì không được mời tham gia các Hội đồng KH&CN và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 18. Khiếu nại, tố cáo**

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 19. Vận dụng Quy định**

Các Sở, Ban ngành, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa vận dụng Quy định này để xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành Quy định về tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 20. Việc sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời đề xuất, kiến nghị gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy Ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*(Được ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*



**B1-2-TMDA**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM<sup>1</sup>**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

<b>1</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>2</b>	<b>Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):</b>
<b>3</b>	<b>Thời gian thực hiện: ..... tháng</b> (Từ tháng ...../200.... đến tháng ...../200....)	<b>4</b>	<b>Cấp quản lý</b> Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>
<b>5</b>	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Dự án độc lập		
<b>6</b>	<b>Tổng vốn thực hiện dự án: ..... triệu đồng, trong đó:</b>		
	<b>Nguồn</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Vốn tự có của tổ chức chủ trì		
	- Khác (liên doanh...)		
<b>7</b>	<b>Kinh phí thu hồi ..... triệu đồng</b> (bằng..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)		
	<b>Đợt 1: ..... triệu đồng sau khi kết thúc ..... tháng,</b>		
	<b>Đợt 2: ..... triệu đồng sau khi kết thúc ..... Tháng</b>		
<b>8</b>	<b>Chủ nhiệm dự án</b>		
	Họ và tên:.....		
	Năm sinh: .....	Nam/Nữ: .....	
	Học hàm: .....	Học vị: .....	
	Chức danh khoa học: .....	Chức vụ: .....	
	Điện thoại: Tổ chức: .....	Nhà riêng: .....	Mobile: .....
	Fax: ..... E-mail: .....		
	Tên tổ chức đang công tác: .....		
	Địa chỉ tổ chức: .....		
	Địa chỉ nhà riêng: .....		

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. Dưới đây Dự án sản xuất thử nghiệm được gọi tắt là Dự án

8b

**Thư ký Dự án**

Họ và tên:.....  
Năm sinh: ..... Nam/Nữ: .....  
Học hàm: ..... Học vị: .....  
Chức danh khoa học: .....  
Chức vụ: .....  
Điện thoại: Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....  
Fax: ..... E-mail: .....  
Tên tổ chức đang công tác: .....  
Địa chỉ tổ chức: .....  
Địa chỉ nhà riêng: .....

9

**Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án**

Tên tổ chức chủ trì Dự án: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....  
Website: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
Số tài khoản: .....  
*Kho bạc Nhà nước*/Ngân hàng: .....  
Tên cơ quan chủ quản Dự án: .....

10

**Tổ chức tham gia chính**

**10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....  
Website: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án: .....

**10.2. Tổ chức khác**

Tên tổ chức: .....  
.....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....  
Website: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

**11 Cán bộ thực hiện Dự án**

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN)

	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

**12 Xuất xứ**

[Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)]

.....  
.....  
.....

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

.....  
.....  
.....  
**13 Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án**

**13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của Dự án** (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

.....  
.....  
.....  
**13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án** (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm Dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....  
.....  
.....  
**13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng** (Tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

.....  
.....  
.....  
**13.4. Năng lực thực hiện Dự án** (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)

.....  
.....  
.....  
**13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án** (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).

.....

.....

## I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

<b>14</b>	<b>Mục tiêu</b>
<p><b>14.1 Mục tiêu của Dự án sản xuất<sup>3</sup> hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra</b> (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>14.2 Mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm</b> (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<b>15</b>	<b>Nội dung</b>
<p><b>15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>15.2 Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ</b> (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án sản xuất thử nghiệm);</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<p><b>15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm.</b></p> <p>.....</p>	

<sup>3</sup> Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

.....

.....

.....

.....

<b>16</b>	<b>Phương án triển khai</b>
<b>16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:</b>	
<b>a) Phương thức tổ chức thực hiện:</b>	
<p>(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&amp;CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;</p> <p>- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<b>b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:</b>	
<p>- Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m<sup>2</sup>), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;</p> <p>- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;.....);</p> <p>- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);</p> <p>- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).</p> <p>- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);</p> <p>.....</p>	

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**16.2. Phương án tài chính** (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

*Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7*

**16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án** (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**17 Sản phẩm của Dự án**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**18 Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc**

**18.1. Phương thức triển khai** [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất-kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**18.2. Quy mô sản xuất** (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

.....

.....

.....

18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.

### III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của Dự án sản xuất + Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

\* **Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới; (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án**

Đơn vị: triệu đồng

1	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó							
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động				
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác	
2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	<b>Ngân sách SNKH:</b> - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:									
2	<b>Các nguồn vốn khác</b> - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động, ...)									

<b>Cộng:</b>									

*\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**  
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
<b>A</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
<b>B</b>	<b>Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định</b>					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

**Ghi chú:**

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**  
(Cho thời gian thực hiện Dự án)

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá bán dự kiến (1000 đ)</b>	<b>Thành tiền (1000 đ)</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 4. Tổng doanh thu**  
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (1000 đ)</b>	<b>Thành tiền (1000 đ)</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)**

TT	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

**Chú thích :**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;
- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;
- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{..... \%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{..... \%};$$

<b>18</b>	<b>Hiệu quả kinh tế - xã hội</b>
-----------	----------------------------------

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ngày..... tháng ..... năm 200....

**Chủ nhiệm Dự án**  
(Họ, tên và chữ ký)

Ngày ..... tháng ..... năm 200....

**Tổ chức chủ trì Dự án**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng ..... năm 200....

**Sở Khoa học và Công nghệ<sup>4</sup>**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày ..... tháng ..... năm 200....

---

<sup>4,5,6,7</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi Dự án được phê duyệt

**DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN**  
(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn										Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH											
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *				
1	Thiết bị, máy móc mua mới	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo														
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ														
4	Chi phí lao động														
5	Nguyên vật liệu năng lượng														
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng														
7	Chi khác														
	<b>Tổng cộng:</b>														

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt



\* Chi dự toán khi đã tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TT/TT/BTC-BKHCN)  
Phụ lục 2:

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU  
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn										Tự có	Khác
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất *	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai *	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba *	Trong đó, khoản chi theo quy định *				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Vê điện :	kW/h															
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc....kW																
2	Vê nước:	m <sup>3</sup>															
3	Vê xăng dầu :	Tấn															
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn																
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn																
Cộng:																	

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)

Phụ lục 3a

**YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC**

Đơn vị: triệu đồng

**A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)**

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2					
3					
4					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2					
3					
4					
<b>Cộng:</b>					

Phụ lục 3b.

**YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC**

**B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Tự có	Khác
							Tổng số	Ngân sách SNKH				
								Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		Mua thiết bị công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3	*	Mua băng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chi ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
<b>Cộng:</b>												

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chi hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc  
 \* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

**Phụ lục 4**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH				Năm thứ ba*		
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
A		<b>Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)</b>								
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ								
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật								
3		- Ôn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào								
4		- Ôn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm								
5		.....								
B		<b>Chi phí đào tạo công nghệ</b>								
1		- Cán bộ công nghệ								
2		- Công nhân vận hành								
3		.....								
		<b>Cộng</b>								

\* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

**Phụ lục 5**

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

*Đơn vị: triệu đồng*

**A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)**

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
		<b>Cộng A:</b>			

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo**

*Đơn vị: triệu đồng*

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				Tự có	Khác
				Tổng số	Ngân sách SNKH				
					Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		<b>Cộng B:</b>							

\* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

**Phụ lục 6**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**  
(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đột tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		<b>Cộng</b>										

## CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn											
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác		
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
1		<b>Công tác phí</b> - Trong nước - Ngoài nước													
2		<b>Quản lý phí</b> - Quản lý hành chính thực hiện Dự án - Tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm													
3		<b>Sửa chữa, bảo trì thiết bị</b>													
4		<b>Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:</b> - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở (bên B) - Chi phí nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ/Tỉnh (bên A)													





VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	8
1						
2						

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200..	200..	200..		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Trong nước	Trong tự mẩu	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						





**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*Bản bản kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010  
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B1-1-ĐONTC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ<sup>1</sup>**  
**CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
**CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN năm 200..., chúng tôi:

a) .....

(Tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm cơ quan chủ trì Đề tài, Dự án SXTN)

b) .....

(Họ và tên, học vị, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN)

xin đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN:

.....

**Thuộc lĩnh vực KH&CN:**

.....

<sup>1</sup> Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....  
Mã số của Chương trình: .....

**Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN**  
**gồm:**

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (Biểu B1-1-ĐONTC);
2. Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KH&CN) (Biểu B1-2-TMĐT), thuyết minh Dự án SXTN (Biểu B1-2-TMDA);
3. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (Biểu B1-3-LLTC);
4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/dự án và các cá nhân tham gia chính (Biểu B1-4-LLCN);
5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký tiếp nhận ứng dụng kết quả Đề tài, Dự án SXTN - Biểu B1-5-PHNC.
6. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (nếu có) - Biểu B1-6-PHNC.
7. Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với Dự án SXTN.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày tháng năm 200..

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B1-2-TMĐT**

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**  
**KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

<b>1</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>2</b>	<b>Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)</b>
<b>3</b>		<b>4</b>	
Thời gian thực hiện: ..... tháng (Từ tháng /200.. đến tháng /200...		<b>Cấp quản lý</b> Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/>	
<b>5</b>	<b>Kinh phí ..... triệu đồng, trong đó:</b>		
	<b>Nguồn</b>	<b>Tổng số</b>	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức		
	- Từ nguồn khác		
<b>6</b>	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN; <input type="checkbox"/> Đề tài độc lập;		
<b>7</b>	<b>Lĩnh vực khoa học</b> <input type="checkbox"/> Tự nhiên; <input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp; <input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ; <input type="checkbox"/> Y dược.		

<sup>1</sup> Bản Thuyết minh này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

**8 Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.....  
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....  
Học hàm, học vị: .....  
Chức danh khoa học: ..... Chức vụ:.....  
Điện thoại:  
Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....  
Fax: ..... E-mail: .....  
Tên tổ chức đang công tác:.....  
Địa chỉ tổ chức:.....  
.....  
Địa chỉ nhà riêng: .....

**9 Thư ký đề tài**

Họ và tên:.....  
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....  
Học hàm, học vị: .....  
Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....  
Điện thoại: .....  
Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....  
Fax: ..... E-mail: .....  
Tên tổ chức đang công tác: .....  
Địa chỉ tổ chức: .....  
.....  
Địa chỉ nhà riêng: .....

**10 Tổ chức chủ trì đề tài**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....  
Website: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
Số tài khoản: .....  
Ngân hàng: .....  
Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....  
.....

**11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)**

1. **Tổ chức 1 :** .....

Tên cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

2. **Tổ chức 2 :** .....

Tên cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

**12 Các cán bộ thực hiện đề tài**  
*(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)*

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**13 Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)**

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng



**17** Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của Đề tài và phương án thực hiện

*(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có*

Nội dung 1: .....

.....

.....

Nội dung 2: .....

.....

.....

Nội dung 3:.....

.....

.....

**18** Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)*

**Cách tiếp cận:**

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

.....

.....

**Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo: → bỏ**

.....

**19** Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có)*

20	<b>Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)</b> <i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của Đề tài )</i>				
21	<b>Tiến độ thực hiện</b>				
	<b>Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu</b>	<b>Kết quả phải đạt</b>	<b>Thời gian (bắt đầu, kết thúc)</b>	<b>Cá nhân, tổ chức thực hiện*</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
1	2	3	4	5	6
1	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
2	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	<b>Sản phẩm KH&amp;CN chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)</b>					
<b>Dạng I: Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;</b>						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn   đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
<b>22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)</b>						
.....						
.....						
.....						
.....						
.....						

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình,...*); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	2	3	4

**Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tập chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
1	2		3	4

**22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**22.3 Kết quả tham gia đào tạo trên đại học**

Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

**22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**

.....

<b>23</b>	<b>Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu</b>
	<b>23.1 Khả năng về thị trường</b> (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?) ..... ..... .....
	<b>23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh</b> (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm) ..... ..... .....
	<b>23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu</b> ..... .....
	<b>23.4 Mô tả phương thức chuyển giao</b> <i>(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn-với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu- theo tỷ lệ đã thoả thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra, ...)</i> ..... ..... ..... ..... .....

<b>24</b>	<b>Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của Đề tài</b>
	..... ..... .....

**25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**  
**25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**  
*(nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*  
 .....  
 .....  
**25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**  
 .....  
 .....  
**25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**  
*(Nếu không thể nêu được dù kiến thức kết quả nghiên cứu sẽ có lợi ích gì về kinh tế - xã hội và môi trường)*  
 .....  
 .....

**V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**  
 (Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				Chi khác
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ		
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(\*): chi dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày ..... tháng ..... năm 200 ...	Ngày ..... tháng ..... năm 200 ...
<b>Chủ nhiệm Đề tài</b> (Họ, tên và chữ ký)	<b>Tổ chức chủ trì Đề tài</b> (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục

**Dự toán kinh phí đề tài**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn										Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỉ lệ (%)	Ngân sách SNKH											
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
1	Trà công lao động (khoa học, phổ thông)														
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng														
3	Thiết bị, máy móc														
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ														
5	Chi khác														
	<b>Tổng cộng:</b>														

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN)

**Giải trình các khoản chi**  
(Triệu đồng)

**Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)**

TT	Nội dung lao động	Tăng số		Nguồn vốn
		Mục chi	Tổng	
	Dự toán chi tiết theo			Ngân sách SNKH
				Tự có
				Khác





TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Tự có	Khác
							SNKH					
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài</b> (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)											
<b>II</b>	<b>Thiết bị mua mới</b>											
1	Mua thiết bị, công nghệ											
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
<b>III</b>	<b>Khấu hao thiết bị</b> (chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)											
<b>IV</b>	<b>Thuế thiết bị</b> (ghi tên thiết bị, thời gian thuế)											
<b>V</b>	<b>Vận chuyển lắp đặt</b>											



Nguồn vốn													
TT	Nội dung	Tổng số		Ngân sách SNKH							Tự có	Khác	
		Mục chi	Tổng	Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*			Trong đó, khoản chi theo quy định*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)												
2	Hợp tác quốc tế												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)												
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp												
	- Chi phí kiểm tra nội bộ												
	- Chi nghiệm thu trung gian												
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ												





**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010  
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B1-3-LLTC**

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>**  
**CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

<b>1. Tên tổ chức</b>		
Năm thành lập		
Địa chỉ		
Điện thoại:		Fax:
E-mail:		
<b>2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&amp;CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn</b>		
<b>3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức</b>		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

**4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn**

<sup>1</sup> Mẫu tóm tắt hoạt động KH&CN của Tổ chức được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

**5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây (Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)**

**6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn:**

- Nhà xưởng:

1.

- Trang thiết bị chủ yếu\*:

**7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn**

- Vốn tự có: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

**THỦ TRƯỞNG**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)



**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*(Bản hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B1-4-LLCN**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**  
**CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN<sup>1</sup>**

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN:

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN<sup>2</sup>:

<b>1. Họ và tên:</b>			
<b>2. Năm sinh:</b>		<b>3. Nam/Nữ:</b>	
<b>4. Học hàm:</b>		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
<b>5. Chức danh nghiên cứu:</b> Chức vụ:			
<b>6. Địa chỉ nhà riêng:</b>			
<b>7. Điện thoại: CQ:</b>		<b>; NR:</b>	<b>; Mobile:</b>
<b>8. Fax:</b>		<b>E-mail:</b>	
<b>9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án:</b> Tên tổ chức : Tên người Lãnh đạo: Điện thoại người Lãnh đạo: Địa chỉ tổ chức:			
<b>10. Quá trình đào tạo</b>			
<b>Bậc đào tạo</b>	<b>Nơi đào tạo</b>	<b>Chuyên môn</b>	<b>Năm tốt nghiệp</b>
Đại học			
Thạc sỹ			

<sup>1</sup> Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài KHCN hoặc dự án SXTN (gọi tắt là dự án). Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

<sup>2</sup> Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản Thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

Tiến sỹ				
Thực tập sinh khoa học				
<b>11. Quá trình công tác</b>				
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức	
<b>12. Các công trình công bố chủ yếu</b> (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1				
2				
<b>13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
1				
2				
<b>14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	
1				
2				

<b>15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia</b> (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<b>16. Giải thưởng</b> (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
<b>17. Thành tựu hoạt động KH&amp;CN và sản xuất kinh doanh khác</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN<sup>3</sup>**  
(Xác nhận và đóng dấu)

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**  
(Họ, tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà ... chủ trì (tham gia) thực hiện Đề tài, Dự án

<sup>3</sup> Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.



**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*Thực hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2010  
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B1-5-PHUD**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**TỔ CHỨC ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI/DỰ ÁN**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tên đề tài đăng ký tuyển chọn, xét chọn:

.....  
.....  
.....

Thuộc Chương trình KHXH (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Là đề tài thuộc lĩnh vực : .....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài

.....  
.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài

.....

3. Tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài:

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ .....

Điện thoại .....

Các thông tin của tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài được thể hiện tại Phần 2 - Mục 22 trong bản Thuyết minh đề tài (là bộ phận của Hồ sơ) gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tham gia tuyển chọn, xét chọn.

Khi kết quả nghiên cứu của đề tài được công nhận nghiệm thu chúng tôi cam đoan sẽ phối hợp với đơn vị chủ trì đề tài để thực hiện tốt việc ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài; đồng thời hoàn thành những thủ tục pháp lý do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên.

....., ngày ..... tháng..... năm 200...

**CÁ NHÂN**  
(đăng ký chủ nhiệm đề tài)

(Họ, tên và chữ ký)

**TỔ CHỨC**  
(đăng ký chủ trì đề tài)

(Họ tên và chữ ký của thủ trưởng tổ chức, đóng dấu)

**TỔ CHỨC**  
(ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài)

(Họ tên và chữ ký của thủ trưởng tổ chức, đóng dấu)



**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

*(Đính kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B1-6-PHNC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN<sup>1</sup>**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

**1. Tên Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, xét chọn:**

.....  
 .....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....  
 Mã số của Chương trình: .....

**Thuộc lĩnh vực KH&CN:**

.....

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

.....  
 .....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN

.....

<sup>1</sup> Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

### 3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

.....  
Địa chỉ .....

Điện thoại .....

Nội dung công việc tham gia trong đề tài (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN của Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Đề tài, Dự án SXTN.

....., ngày tháng năm 200..

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên và chữ ký)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**  
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



**UBND TỈNH ĐỒNG NAI**  
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Phụ lục II**  
**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B2-1-BBHSTC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ**  
**ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

**1. Tên Đề tài, Dự án SXTN**

.....

.....

.....

**2. Địa điểm và thời gian mở Hồ sơ :**

Địa điểm : .....

.....

Thời gian : ....., ngày .../... /20....

**3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở Hồ sơ**

<i>TT</i>	<i>Tên cơ quan, tổ chức</i>	<i>Họ và tên đại biểu</i>
1	Đại diện Sở KH&CN	
2	Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn	
3	Đại diện tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (nếu có)	

4 Đại diện các cơ quan liên quan khác

**4. Tình trạng của các Hồ sơ**

- Tổng số Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì Đề tài, Dự án SXTN: ..... Hồ sơ.

- Về hiện trạng niêm phong của các Hồ sơ

Số Hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở Hồ sơ: .../... (tổng số Hồ sơ đăng ký).

- Tình trạng của các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn	Tình trạng hồ sơ					
		Nộp đúng hạn <sup>1</sup>	Tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký, số lượng <sup>2</sup>	Tư cách pháp nhân	Cá nhân đang làm chủ nhiệm 02 đề tài hoặc 01 dự án cấp tỉnh (cho đến khi nghiệm thu)	Cá nhân đang làm chủ nhiệm bị trễ hạn quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán	Tổ chức có 03 đề tài trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 18 tháng trở lên
1	- Tên Tổ chức 1 - Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN						
2	- Tên Tổ chức 2 - Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN						
3	...						
...							

**5. Kết luận về những Hồ sơ hợp lệ đề nghị Sở KH&CN đưa vào đánh giá tuyển chọn:**

Như vậy, trong số ..... Hồ sơ đăng ký, có ..... Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đề nghị Sở KH&CN đưa vào xem xét đánh giá.

<sup>1</sup> Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở

<sup>2</sup> Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu với số lượng đã được quy định tại Điều 7 của Quy định số /2010/QĐ-UBND ngày / /2010

Danh mục Hồ sơ hợp lệ được đánh giá tuyển chọn, xét chọn để chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN có tên nêu trên đây gồm có:

<i>TT</i>	<i>Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN</i>	<i>Ghi chú</i>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
1		
2		
3		

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN  
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN - nếu có**  
(Họ, tên và chữ ký)

**ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG KH&CN  
TƯ VẤN TUYỂN CHỌN**  
(Họ, tên và chữ ký)

**ĐẠI DIỆN SỞ KH&CN**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Phụ lục III**  
**PHIẾU NHẬN XÉT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010  
của UBND tỉnh Đồng Nai)*



**B3-1-PNXĐT**

**Ý KIẾN NHẬN XÉT**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

<b>Chuyên gia/uy viên phản biện:</b>	
<b>Uy viên Hội đồng:</b>	

**1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:**

**2. Tên Đề tài:**

**3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì Đề tài:**

- *Tên tổ chức:*

- *Họ và tên cá nhân:*

**4. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét:**

4.1. Đánh giá chung Mục tiêu của đề tài (*Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 & 15.2 của thuyết minh Đề tài*).

4.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra (*Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15, 16 và 17 của thuyết minh Đề tài*).

4.3. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng và cách tiếp cận (*Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài*).

4.4. Sản phẩm khoa học công nghệ của đề tài (*Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài*).

4.5 Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu

*(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)*

4.6 Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện (*Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 17, 19, 20, 21 của thuyết minh Đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của Tổ chức, cá nhân tham gia chính thực hiện Đề tài*).

4.7 Năng lực của cá nhân và tổ chức đăng ký chủ trì đề tài.

4.8 Tính hợp lý về thời gian và kinh phí thực hiện nghiên cứu đề tài.

**5. Nhận xét, đánh giá chung về Đề tài**

5.1 Ưu điểm:

5.2 Hạn chế:

5.3 Các kiến nghị:

**CHUYÊN GIA, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ- NHẬN XÉT**  
*(Họ, tên và chữ ký)*

**Phụ lục III  
PHIẾU NHẬN XÉT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010  
của UBND tỉnh Đồng Nai)*



**B3-2-PNXDA**

**Ý KIẾN NHẬN XÉT  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ DỰ ÁN SXTN**

<b>Chuyên gia/ủy viên phản biện:</b>	
<b>Ủy viên Hội đồng:</b>	

**1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:**

**2. Tên Đề tài:**

**3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì Dự án:**

*- Tên tổ chức:*

*- Họ và tên cá nhân:*

**4. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét:**

4.1. Giá trị công nghệ của Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2,17 của Thuyết minh dự án*)

4.2. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án*)

4.3. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án*)

4.4. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án*)

4.5. Năng lực thực hiện Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án*)

**5. Nhận xét, đánh giá chung về Dự án**

5.1 Ưu điểm:

5.2 Hạn chế:

5.3 Các kiến nghị:

**CHUYÊN GIA, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ- NHẬN XÉT**  
*(Họ, tên và chữ ký)*



**Phụ lục IV  
PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B4-1-PĐGDĐT**

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**

*Biên Hòa, ngày tháng năm 20....*

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**1. Tên Đề tài:**

.....  
.....  
.....

**2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài:**

*Tên tổ chức:* .....

*Họ và tên cá nhân:* .....

**3. Họ và tên Chuyên gia đánh giá:** .....

**4. Các chỉ tiêu đánh giá (tối đa 100 điểm)**

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm của chuyên gia</i>
<b>I. Đánh giá chung về mục tiêu của Đề tài</b> <i>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 &amp; 15.2 của thuyết minh Đề tài)</i>	<u>10</u>	
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu của Đề tài so với yêu cầu đối với Đề tài (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5	
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu cho Đề tài	5	

<b>II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của Đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15,16 và 17 của thuyết minh Đề tài)	<b>20</b>	
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5	
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu Đề tài	5	
5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của Đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5	
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của Đề tài	5	
<b>III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài)	<b>15</b>	
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5	
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5	
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5	
<b>IV. Sản phẩm KH&amp;CN của Đề tài</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài)	<b>15</b>	
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm Đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5	
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của đề tài; Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5	
12. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện Đề tài	5	
<b>V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu</b> (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)	<b>15</b>	
13. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)	5	
14. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao công nghệ và các địa chỉ dự kiến áp dụng	5	
15. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu	5	
<b>VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện Đề tài</b>	<b>25</b>	





**Phụ lục IV  
PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B4-2-PDGDA**

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ  
CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN  
SXTN**

*Biên Hòa, ngày tháng năm 20...*

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

**1. Tên Dự án SXTN:**

.....  
.....  
.....

**2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Dự án SXTN:**

*Tên tổ chức:* .....

*Họ và tên cá nhân:* .....

**3. Họ và tên Chuyên gia đánh giá:** .....

**4. Các chỉ tiêu đánh giá (tối đa 100 điểm)**

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Điểm đánh giá của chuyên gia</i>
<b>I. Giá trị công nghệ của dự án</b> <i>(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2, 17 của Thuyết minh dự án)</i>	<u>20</u>	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	5	

2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5	
4. Tính hợp lý của quy mô dự án	5	
<b>II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	<b>20</b>	
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5	
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5	
<b>III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	<b>20</b>	
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5	
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	5	
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	5	
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5	
<b>IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc</b> (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	<b>20</b>	
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án	5	





**UBND TỈNH ĐỒNG NAI**  
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN**  
**XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN**

**Phụ lục V**

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 0 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B5-1-BBKPXC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Biên Hòa, ngày tháng năm 20....*

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

**1. Tên Đề tài:**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Tên Tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài KH&CN**

*Tên Tổ chức :* .....

*Tên cá nhân :* .....

**3. Kết quả kiểm phiếu:**

- Số phiếu phát ra : ... phiếu
- Số phiếu thu về : .../... phiếu
- Số phiếu hợp lệ : .../... phiếu
- Số phiếu không hợp lệ : .../... phiếu
- Tổng điểm : .../... phiếu
- Điểm trung bình : .../... phiếu
- Xếp loại : .....

**Bảng tổng hợp điểm:**

<i>TT</i>	<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Điểm trung bình từng tiêu chí (tối đa 5 điểm)</i>	<i>Chi chú</i>
1	2	3	4
1	Tiêu chí 1		
2	Tiêu chí 2		

3	Tiêu chí 3		
4	Tiêu chí 4		
5	Tiêu chí 5		
6	Tiêu chí 6		
7	Tiêu chí 7		
8	Tiêu chí 8		
9	Tiêu chí 9		
10	Tiêu chí 10		
11	Tiêu chí 11		
12	Tiêu chí 12		
13	Tiêu chí 13		
14	Tiêu chí 14		
15	Tiêu chí 15		
16	Tiêu chí 16		
17	Tiêu chí 17		
18	Tiêu chí 18		
19	Tiêu chí 19		
20	Tiêu chí 20		
	<b>Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng (tối đa 100 điểm)</b>		

**Các thành viên Ban kiểm phiếu**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Trưởng Ban kiểm phiếu**  
(Họ, tên và chữ ký)



**UBND TỈNH ĐỒNG NAI**  
**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Phụ lục V

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

kèm theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**B5-2-BBKPTC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Hòa, ngày tháng năm 20....

**HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN**  
**TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH**

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**  
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH**

1. Tên Đề tài:

.....

.....

.....

2. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra: ... phiếu
- Số phiếu thu về : .../... phiếu
- Số phiếu hợp lệ : .../... phiếu
- Số phiếu không hợp lệ : .../... phiếu

Bảng tổng hợp điểm:

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài KHCN				Chi chú
	Điểm trung bình từng tiêu chí đánh giá/hồ sơ	Tổ chức 1	Tổ chức 2	...	
1	2	3	4	5	6
1	Tiêu chí 1				
2	Tiêu chí 2				
3	Tiêu chí 3				
4	Tiêu chí 4				
5	Tiêu chí 5				

6	Tiêu chí 6				
7	Tiêu chí 7				
8	Tiêu chí 8				
9	Tiêu chí 9				
10	Tiêu chí 10				
11	Tiêu chí 11				
12	Tiêu chí 12				
13	Tiêu chí 13				
14	Tiêu chí 14				
15	Tiêu chí 15				
16	Tiêu chí 16				
17	Tiêu chí 17				
18	Tiêu chí 18				
19	Tiêu chí 19				
20	Tiêu chí 20				
	<b>Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng/hồ sơ (thứ tự từ cao đến thấp)</b>				

**Các thành viên Ban kiểm phiếu**  
(Họ, tên và chữ ký)

**Trưởng Ban kiểm phiếu**  
(Họ, tên và chữ ký)



UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /BB-SKHCN

Phụ lục V  
**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG**

(Ban hành theo Quyết định số 25 /2010/QĐ-UBND ngày 0 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)

B6-1-BBHDXC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN**

Họp Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn chuyên ngành xét duyệt thuyết minh đề tài NCKH/ dự án SXTN cấp tỉnh.

**A. Thông tin chung:**

1. Tên đề tài: .....

2. Quyết định thành lập Hội đồng: .....

3. Thời gian và địa điểm họp Hội đồng:

Thời gian: ..... ngày .../.../20....;

Địa điểm: .....

4. Danh sách thành viên hội đồng:

a. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên : ...../ ..... và 02 Thư ký Hội đồng.

Số TT	Họ và tên	Học vị	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức vụ HĐ.KHCN
01					
02					
....					

b. Số thành viên vắng mặt trên tổng số thành viên : .../...

Số TT	Họ và tên	Học vị	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức vụ HĐ.KHCN
01					
02					
....					

**5. Đại biểu tham dự họp:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác
1			
2			
...			

**6. Đơn vị chủ trì thực hiện (.....):**

- .....

- .....

**7. Đơn vị phối hợp thực hiện (.....):**

- .....

- .....

**7. Người trình bày:**

- .....

**B. Nội dung làm việc của Hội đồng**

- Sau thủ tục tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, Chủ tịch Hội đồng phát biểu khai mạc hội nghị, nêu mục đích làm việc của Hội đồng và nêu những yêu cầu, nội dung chủ yếu về việc xét chọn Đề tài.

- Chủ nhiệm đề tài trình bày tóm tắt thuyết minh đề tài (*bản thuyết minh đề cương đề tài đính kèm*).

- Các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét, phản biện và các đại biểu dự hội nghị đã đóng góp nhiều ý kiến bổ sung để hoàn chỉnh thuyết minh đề tài/dự án SXTN.

- Đơn vị thực hiện và chủ nhiệm giải trình các vấn đề Hội đồng đã nêu ra và đề xuất hướng khắc phục.

- Trên cơ sở đó, Hội đồng thảo luận, đánh giá về ưu điểm và hạn chế của Hồ sơ thuyết minh Đề tài/Dự án SXTN.

- Sau khi thảo luận, các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định.

## 1. Nhận xét của Hội đồng:

### 1.1. Ưu điểm:

.....  
.....  
.....

### 1.2. Những vấn đề cần bổ sung của Đề tài:

Để đề tài có hiệu quả cao về mặt khoa học và giá trị ứng dụng, Hội đồng đề nghị đơn vị thực hiện, chủ nhiệm đề tài điều chỉnh và bổ sung một số vấn đề sau:

.....  
.....  
.....

## 2. Kết quả bỏ phiếu đánh giá - xếp loại:

- Số phiếu phát ra: .... phiếu
- Số phiếu thu về: .... / ... phiếu
- Số phiếu hợp lệ: .... / ... phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: .... / ... phiếu
- Tổng điểm: .....
- Điểm trung bình: .....
- Xếp loại: .....

## 3. Kết luận của Hội đồng:

A : trường hợp hồ sơ đủ điều kiện trúng tuyển<sup>1</sup>

Căn cứ kết quả kiểm phiếu cho điểm đánh giá Hồ sơ và các quy định tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 15 của Quy định về tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Hội đồng nhất trí thông qua thuyết minh đề cương và kế hoạch thực hiện đề tài với kết quả xếp loại: **Đạt**.

+ Tên đề tài: “.....”.

+ Đơn vị chủ trì: .....

+ Chủ nhiệm Đề tài: .....

<sup>1</sup> Không ghi vào biên bản

Đề nghị đơn vị thực hiện và chủ nhiệm đề tài hoàn chỉnh lại bản thuyết minh đề tài trên cơ sở các ý kiến nhận xét, góp ý của Hội đồng và các đại biểu tham dự hội nghị (*đính kèm phụ lục các nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung và giải trình các nội dung không chỉnh sửa, bổ sung*) và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai trước ngày .../.../20...

Hội đồng ủy nhiệm cho Chủ tịch Hội đồng xem xét việc chỉnh sửa thuyết minh đề tài của đơn vị thực hiện, làm cơ sở cho Hội đồng Khoa học công nghệ cấp tỉnh xem xét trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đề tài thực hiện trong năm 201....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... cùng ngày.

*B : trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện trúng tuyển<sup>2</sup>*

Căn cứ kết quả kiểm phiếu cho điểm đánh giá Hồ sơ và các quy định tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 15 của Quy định về tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Hội đồng nhất trí không kiến nghị hồ sơ trúng tuyển.

**THƯ KÝ**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

*(Họ, tên và chữ ký)*

---

<sup>2</sup> Không ghi vào biên bản



UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KH&CN  
CẤP TỈNH

Phụ lục V  
**BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG**

*Bản hành kèm theo Quyết định số 15 /2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**B6-2-BBHDTC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Hòa, ngày tháng năm 201...

**BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG KH&CN  
TƯ VẤN TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TỈNH**

**A. Những thông tin chung :**

1. Tên Đề tài:

.....  
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng :

Số ...../QĐ-SKH&CN ngày ...../...../201..... của Giám đốc Sở KH&CN

3. Thời gian và địa điểm :

- Thời gian: .....

- Địa điểm: .....

4. Danh sách thành viên Hội đồng:

a. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên : ...../..... và 02 Thư ký Hội đồng

Số TT	Họ và tên	Học vị	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức vụ HĐ.KH&CN
01					
02					
...					

b. Vắng mặt: ..... thành viên, gồm các thành viên:

Số TT	Họ và tên	Học vị	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức vụ HĐ.KHCN
01					
02					
....					

5. Đại biểu tham dự họp Hội đồng:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác
1			
2			
...			

**B. Nội dung làm việc của Hội đồng**

1. Chủ tịch Hội đồng nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn Đề tài.
2. Hội đồng đã nghe các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến phản biện, nhận xét đánh giá từng Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì Đề tài.
3. Hội đồng đã thảo luận, đánh giá về ưu điểm và hạn chế của từng Hồ sơ theo các tiêu chí đã quy định; so sánh ưu điểm và hạn chế giữa các Hồ sơ.
4. Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng Ban: .....

Ủy viên: .....

.....

5. Hội đồng đã bỏ phiếu cho điểm đánh giá từng Hồ sơ.

Sau khi thảo luận, các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định.

Kết quả kiểm phiếu cho điểm đánh giá các Hồ sơ được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu đính kèm.

## 6. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng:

A : trường hợp có hồ sơ đủ điều kiện trúng tuyển<sup>1</sup>

### 6.1. Kết quả đánh giá:

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu cho điểm đánh giá các Hồ sơ và các quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 15 của Quy định Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Hồ sơ của tổ chức, cá nhân dưới đây đủ điều kiện trúng tuyển chủ trì Đề tài:

+ Tên đề tài: “ .....

+ Đơn vị chủ trì: .....

+ Chủ nhiệm đề tài: .....

### 6.2. Kiến nghị của Hội đồng:

- Đối với tổ chức và cá nhân được đề nghị trúng tuyển, hồ sơ cần bổ sung, chỉnh sửa theo kết luận và kiến nghị của Hội đồng, bao gồm :

+ Về nội dung chính trong Thuyết minh Đề tài (*những nội dung, chuyên đề nghiên cứu trong từng nội dung*):

.....  
.....

+ Về những điểm cần lưu ý khác (*Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp sử dụng trong từng nội dung nghiên cứu, v.v*):

.....  
.....

+ Về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài:

.....  
.....

- Đề nghị đơn vị chủ trì và tập thể tác giả nghiên cứu tiến hành hoàn chỉnh lại bản thuyết minh đề tài trên cơ sở các ý kiến nhận xét, góp ý của Hội đồng, của các đại biểu tham dự hội nghị và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày ...../...../201.....

- Hội đồng ủy nhiệm cho Chủ tịch Hội đồng xem xét việc chỉnh sửa thuyết minh đề tài của đơn vị thực hiện, làm cơ sở cho Hội đồng Khoa học công nghệ cấp tỉnh xem xét trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục đề tài thực hiện trong

<sup>1</sup> Không ghi vào biên bản

năm 201....

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... cùng ngày.

B: trường hợp không có hồ sơ đủ điều kiện trúng tuyển<sup>2</sup>

#### 6.1 Kết quả đánh giá

Căn cứ kết quả kiểm phiếu cho điểm đánh giá các Hồ sơ và các quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 15 của Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, Hội đồng không kiến nghị Hồ sơ nào trúng tuyển.

#### 6.2. Kiến nghị của Hội đồng:

Đề nghị UBND tỉnh không quyết định tổ chức và cá nhân nào trúng tuyển chủ trì thực hiện Đề tài.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ... cùng ngày.

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**  
(Họ, tên và chữ ký)

**TM. HỘI ĐỒNG**  
**CHỦ TỊCH**  
(Họ, tên và chữ ký)

---

<sup>2</sup> Không ghi vào biên bản